



PHẦN V: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- ◆ Báo cáo tài chính kiểm toán riêng của công ty mẹ
- ◆ Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất

A. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN RIÊNG CỦA CÔNG TY MẸ

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 24 tháng 9 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Kinh doanh vận tải hàng hóa, gia công cơ khí, sửa chữa máy móc, thiết bị và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy đường số 2 Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn Bá Thước	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Thị trấn Cảnh Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Nguyên liệu Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn Nhà máy Lavinafood	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Tam	Chủ tịch	
Ông Lê Văn Tân	Phó Chủ tịch	
Ông Lê Trung Thành	Thành viên	
Ông Phùng Thanh Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Thanh Tân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2020

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ban Kiểm toán nội bộ trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Thị Huệ	Trưởng Ban
Ông Lê Huy Hùng	Phó ban

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Tân	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Bá Chiều	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Quý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Lam	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tam, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Lê Văn Tân đã được Ông Lê Văn Tam ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng kèm theo căn cứ theo Giấy Ủy quyền số 01 UQ/ĐLS – TCKT ngày 21 tháng 10 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (“báo cáo tài chính hợp nhất”) đề ngày 28 tháng 9 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Tổng Giám đốc
Lê Văn Tân

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2021



Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam
Tel: + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61060845/21976603

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) được lập ngày 28 tháng 9 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 47, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trịnh Xuân Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1



Lê Minh Tùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4656-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		792.845.036.022	584.148.780.671
110	I. Tiền	4	15.070.086.958	21.977.130.971
111	1. Tiền		15.070.086.958	21.977.130.971
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		388.689.891.170	367.504.207.926
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	133.735.286.127	70.101.753.933
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	165.522.185.617	222.124.045.574
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	31	28.257.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	82.792.237.916	90.120.668.036
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(21.616.818.490)	(14.842.259.617)
140	III. Hàng tồn kho	8	385.192.529.095	191.393.727.287
141	1. Hàng tồn kho		389.736.158.079	194.673.346.429
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.543.628.984)	(3.279.619.142)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		3.892.528.799	3.273.714.487
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	3.892.528.799	3.273.714.487
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.669.897.066.244	1.605.172.194.887
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	14.820.024.989
216	1. Phải thu dài hạn khác		-	14.820.024.989
220	II. Tài sản cố định		1.067.350.285.122	1.040.512.478.686
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.036.913.430.136	1.009.786.821.482
222	Nguyên giá		2.660.282.935.096	2.630.044.445.072
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.623.369.504.960)	(1.620.257.623.590)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	30.436.854.986	30.725.657.204
228	Nguyên giá		41.498.657.235	41.498.657.235
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(11.061.802.249)	(10.773.000.031)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		269.403.152.489	262.606.740.765
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	269.403.152.489	262.606.740.765
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	289.343.431.344	254.127.382.291
251	1. Đầu tư vào công ty con		268.025.038.981	217.408.989.928
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		21.500.000.000	36.500.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.251.145.800	5.251.145.800
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(35.432.753.437)	(35.032.753.437)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		30.000.000.000	30.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		43.800.197.289	33.105.568.156
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	43.800.197.289	33.105.568.156
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.462.742.102.266	2.189.320.975.558

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		918.106.460.191	671.561.413.328
310	I. Nợ ngắn hạn		792.413.948.081	582.666.092.119
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	110.487.699.480	105.492.166.838
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	49.217.440.442	10.521.680.617
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	17.777.226.777	13.584.825.247
314	4. Phải trả người lao động		10.192.964.888	12.678.607.429
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	59.186.259.102	7.064.402.936
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	5.604.448.281	13.526.367.061
320	7. Vay ngắn hạn	18	539.117.755.293	418.867.015.964
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	830.153.818	931.026.027
330	II. Nợ dài hạn		125.692.512.110	88.895.321.209
331	1. Phải trả người bán dài hạn	14.1	39.000.000.000	-
337	2. Phải trả dài hạn khác	17	41.433.260.093	39.218.905.093
338	3. Vay dài hạn	18	14.535.000.000	3.470.000.000
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	20	30.724.252.017	46.206.416.116
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.544.635.642.075	1.517.759.562.230
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	1.521.819.901.130	1.489.628.322.657
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		700.000.000.000	700.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		700.000.000.000	700.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		181.855.673.009	180.176.411.784
415	3. Cổ phiếu quỹ		(25.442.046.725)	(32.871.691.000)
418	4. Quỹ đầu tư và phát triển		580.200.492.310	577.724.410.652
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		85.205.782.536	64.599.191.221
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		59.646.578.164	39.838.374.645
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		25.559.204.372	24.760.816.576
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		22.815.740.945	28.131.239.573
431	1. Nguồn kinh phí	22.1	2.639.654.975	5.340.121.039
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	22.2	20.176.085.970	22.791.118.534
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.462.742.102.266	2.189.320.975.558

Người lập
Hồ Thị Hậu

Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng Giám đốc
Lê Văn Tân

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.731.661.496.229	1.513.085.441.204
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	-	689.964.338
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	24.1	1.731.661.496.229	1.512.395.476.866
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	1.590.305.612.595	1.376.727.313.195
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		141.355.883.634	135.668.163.671
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	3.893.215.063	3.559.319.952
22	7. Chi phí tài chính	26	27.367.550.919	31.388.151.540
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		14.907.507.645	24.744.772.888
25	8. Chi phí bán hàng	27	47.337.909.048	35.126.423.884
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	37.843.622.707	37.586.848.381
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		32.700.016.023	35.126.059.818
31	11. Thu nhập khác	28	3.712.975.272	105.232.384
32	12. Chi phí khác	28	5.592.864.927	5.032.143.694
40	13. Lỗ khác [40 = 31 - 32]		(1.879.889.655)	(4.926.911.310)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		30.820.126.368	30.199.148.508
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	5.260.921.996	5.438.331.932
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51]		25.559.204.372	24.760.816.576


Người lập
Hồ Thị Hậu


Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Hà


Tổng Giám đốc
Lê Văn Tân

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		30.820.126.368	30.199.148.508
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		147.196.649.971	127.071.454.369
03	Các khoản dự phòng (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		8.438.568.715	5.110.281.222
04	Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư		(125.344.710)	181.423.018
05	Lãi/(lãi) từ hoạt động đầu tư		3.455.746.198	(301.064.162)
06	Chi phí lãi vay	26	14.907.507.645	24.744.772.888
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		204.693.254.187	187.006.015.843
09	Giảm các khoản phải thu (Tăng)/giảm hàng tồn kho		12.586.253.525	3.428.873.341
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(195.062.811.650)	175.835.602.322
11	Tăng các khoản phải trả		61.920.429.155	12.819.054.743
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(116.163.868)	4.704.504.213
14	Tiền lãi vay đã trả		(15.280.947.714)	(24.414.075.149)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	30	(5.532.715.791)	(4.892.736.171)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		13.113.699.740	7.294.000.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(19.191.119.671)	(6.172.934.390)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		57.129.877.913	355.608.304.752
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(189.423.944.782)	(339.326.699.161)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		7.850.000.000	39.364.725
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(28.257.000.000)	(49.970.630.600)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		-	19.970.630.600
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.323.000.000	32.960.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.626.704.662	2.072.564.162
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(199.881.240.120)	(334.254.770.274)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ		9.108.905.500	-
33	Tiền thu từ đi vay		1.151.337.083.116	616.278.509.951
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.021.821.343.787)	(629.248.347.730)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(2.796.136.395)	(26.546.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		135.828.508.434	(12.996.383.779)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(6.922.853.773)	8.357.150.699
60	Tiền đầu năm		21.977.130.971	13.619.980.272
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		15.809.760	-
70	Tiền cuối năm	4	15.070.086.958	21.977.130.971



Người lập
Hồ Thị Hậu



Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Hà



Tổng Giám đốc
Lê Văn Tân

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2021

B. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 24 tháng 9 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Kinh doanh vận tải hàng hóa, gia công cơ khí, sửa chữa máy móc, thiết bị và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy đường số 2 Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Thị trấn Cảnh Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Bá Thước Xí nghiệp Nguyên liệu Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn Nhà máy Lavinafood	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Tam	Chủ tịch
Ông Lê Văn Tân	Phó Chủ tịch
Ông Lê Trung Thành	Thành viên
Ông Phùng Thanh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tân	Thành viên

Bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2020

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ban Kiểm toán nội bộ trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Thị Huệ	Trưởng Ban
Ông Lê Huy Hùng	Phó ban

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Tân	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Bá Chiếu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Quý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Lam	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tam, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Lê Văn Tân đã được Ông Lê Văn Tam ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo căn cứ theo Giấy Ủy quyền số 01 UQ/ĐLS – TCKT ngày 21 tháng 10 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Tổng Giám đốc
Lê Văn Tân

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2021

Số tham chiếu: 61060845/21976603 - HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Công ty và các công ty con”) được lập ngày 28 tháng 9 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 49, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trịnh Xuân Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1



Lê Minh Tùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4656-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		879.951.235.253	634.608.016.349
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	33.955.889.537	32.664.138.708
111	1. Tiền		19.686.204.628	23.964.138.708
112	2. Các khoản tương đương tiền		14.269.684.909	8.700.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	100.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	100.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		340.002.452.074	346.374.865.824
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	162.958.421.285	104.259.227.469
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	154.846.530.412	212.219.953.426
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	52.632.240.153	51.185.890.952
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.3	(30.434.739.776)	(21.290.206.023)
140	IV. Hàng tồn kho	7	498.140.684.747	249.052.291.181
141	1. Hàng tồn kho		503.494.693.029	252.331.910.323
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.354.008.282)	(3.279.619.142)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.852.208.895	6.416.720.636
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	6.085.426.676	5.628.767.064
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.560.514.574	778.325.941
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		206.267.645	9.627.631

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

1	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.638.244.887.294	1.567.819.182.513
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		316.024.500	1.470.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		338.524.500	1.470.000.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(22.500.000)	-
220	II. Tài sản cố định		1.249.826.951.000	1.186.557.990.351
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.215.184.302.426	1.151.625.830.503
222	Nguyên giá		2.954.300.555.425	2.875.517.169.993
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.739.116.252.999)	(1.723.891.339.490)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	34.642.648.574	34.932.159.848
228	Nguyên giá		46.331.274.994	46.225.064.698
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(11.688.626.420)	(11.292.904.850)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		293.587.500.206	279.588.683.416
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	293.587.500.206	279.588.683.416
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	11	36.251.145.800	50.753.558.044
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		-	15.502.412.244
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.251.145.800	5.251.145.800
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		30.000.000.000	30.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		58.263.265.788	49.448.950.702
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	57.946.367.072	49.326.913.166
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	316.898.716	122.037.536
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.518.196.122.547	2.202.427.198.862

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

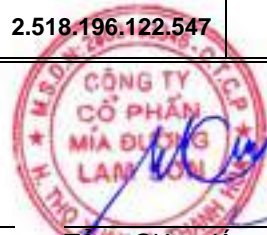
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		964.701.040.316	691.437.633.355
310	I. Nợ ngắn hạn		886.424.755.372	602.664.563.812
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	132.331.262.048	87.618.388.833
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	71.256.571.660	15.292.953.019
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	18.113.059.758	14.826.911.005
314	4. Phải trả người lao động		20.086.883.604	19.607.318.781
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	69.282.740.067	13.973.162.101
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	24.246.130.368	20.924.089.113
320	7. Vay ngắn hạn	17	547.947.101.280	427.156.862.164
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	3.161.006.587	3.264.878.796
330	II. Nợ dài hạn		78.276.284.944	88.773.069.543
331	1. Phải trả người bán dài hạn		2.000.000.000	-
337	2. Phải trả dài hạn khác	16	40.890.970.650	38.360.591.150
338	3. Vay dài hạn	17	4.535.000.000	4.080.000.000
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	19	30.850.314.294	46.332.478.393
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.553.495.082.231	1.510.989.565.507
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	1.529.172.964.902	1.483.310.878.432
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		700.000.000.000	700.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		700.000.000.000	700.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		181.855.673.009	180.176.411.784
423	3. Cổ phiếu quỹ		(25.442.046.725)	(32.871.691.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		592.614.102.800	595.338.856.693
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		52.619.254.839	37.903.905.896
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		29.888.519.337	17.757.456.668
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		22.730.735.502	20.146.449.228
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		27.525.980.979	2.763.395.059
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		24.322.117.329	27.678.687.075
431	1. Nguồn kinh phí	21.1	2.951.551.359	4.887.568.541
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	21.2	21.370.565.970	22.791.118.534
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.518.196.122.547	2.202.427.198.862


Nguyễn Thị Tú

Người lập


Đỗ Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc
Lê Văn Tân

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	1.846.470.514.425	1.696.009.220.821
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	-	689.964.338
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	23.1	1.846.470.514.425	1.695.319.256.483
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	1.682.807.615.416	1.543.796.342.710
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		163.662.899.009	151.522.913.773
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	4.800.944.985	9.978.115.756
22	7. Chi phí tài chính	25	28.398.603.541	32.033.193.889
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		15.716.311.834	26.111.622.968
24	8. Phần lỗ từ công ty liên kết		-	(126.450.176)
25	9. Chi phí bán hàng	26	51.213.243.759	44.146.208.172
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	58.959.021.524	55.288.762.768
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26]		29.892.975.170	29.906.414.524
31	12. Thu nhập khác	27	4.046.817.671	483.271.188
32	13. Chi phí khác	27	5.856.058.974	5.158.433.272
40	14. Lỗ khác [40 = 31 - 32]	27	(1.809.241.303)	(4.675.162.084)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		28.083.733.867	25.231.252.440
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	5.425.507.678	6.252.070.046
52	17. (Thu nhập)/Chi phí thuế TNDN hoãn lại	29.3	(194.861.180)	18.615.005
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]		22.853.087.369	18.960.567.389
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	20.1	22.730.735.502	20.146.449.228
62	20. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	20.1	122.351.867	(1.185.881.839)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	339	264
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	31	339	264



Người lập
Nguyễn Thị Tú



Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Hà



Tổng Giám đốc
Lê Văn Tân

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		28.083.733.867	25.231.252.440
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		163.886.533.395	139.691.290.592
03	Các khoản dự phòng		11.241.422.893	5.706.747.863
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(125.344.710)	181.423.018
05	Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư		2.399.284.251	(6.445.345.191)
06	Chi phí lãi vay	25	15.716.311.834	26.111.622.968
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		221.201.941.530	190.476.991.690
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(4.436.552.120)	36.488.280.768
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(251.162.782.706)	236.070.560.780
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		105.275.880.367	(81.018.684.823)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(9.076.113.518)	8.040.400.422
14	Tiền lãi vay đã trả		(16.572.793.888)	(26.085.495.686)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	29.2	(6.077.433.755)	(5.840.779.942)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		16.643.699.740	7.294.000.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(20.684.999.789)	(6.491.996.390)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		35.110.845.861	358.933.276.819
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(196.341.991.865)	(340.159.099.298)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		8.007.272.727	249.506.691
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(32.584.603.838)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		100.000.000	2.008.383.562
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền của công ty con tại ngày chuyển nhượng)		8.323.000.000	22.748.103.591
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia		3.818.806.125	2.328.588.963
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(176.092.913.013)	(345.409.120.329)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, tái phát hành cổ phiếu quỹ		25.608.905.500	-
33	Tiền thu từ đi vay		1.159.376.559.521	656.652.238.436
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.039.931.320.405)	(663.826.959.794)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(2.796.136.395)	(26.546.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		142.258.008.221	(7.201.267.358)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		1.275.941.069	6.322.889.132
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		32.664.138.708	26.341.249.576
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		15.809.760	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	33.955.889.537	32.664.138.708



Người lập
Nguyễn Thị Tú



Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Hà



Tổng Giám đốc
Lê Văn Tân

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 24 tháng 9 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Kinh doanh vận tải hàng hóa, gia công cơ khí, sửa chữa máy móc, thiết bị và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn	Thị trấn Cảnh Nang, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Bá Thước	
Xí nghiệp Nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn	Thị trấn Sao Vàng, Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là: 1.344 (ngày 30 tháng 6 năm 2020: 1.229).

Tính chất mùa vụ đối với hoạt động sản xuất của Công ty và các công ty con

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp, trong đó chủ yếu là các sản phẩm từ đường. Doanh thu các sản phẩm từ đường chiếm tỷ trọng 93,11% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm. Sản xuất đường có tính mùa vụ theo thời gian của mùa vụ trồng và thu hoạch mía, thường diễn ra trong giai đoạn từ tháng 9 đến tháng 3. Theo đó, các chi phí sản xuất chính liên quan trực tiếp đến sản phẩm đường của Công ty thường phát sinh trong giai đoạn này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 7 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
1	Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn (*)	43,59%	90%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất phân bón, kinh doanh dịch vụ vận tải, san lấp mặt bằng, kinh doanh các dịch vụ nông nghiệp
2	Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt và chăn nuôi
3	Công ty TNHH Thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng (trước đây là Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn)	100%	100%	Huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước (**)	100%	100%	Huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp
5	Công ty TNHH Một thành viên Thành An – Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
6	Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, nghiên cứu và chế biến các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao
7	Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Kinh doanh, xuất nhập khẩu đường, các sản phẩm sau đường và các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao

(*) Trong năm, Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn đã thực hiện phát hành riêng lẻ 1.270.000 cổ phiếu cho một cổ đông cá nhân hiện hữu và một cổ đông mới của công ty con này. Sau khi hoàn thành giao dịch này, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty con này giảm từ 90% xuống còn 43,59% từ ngày 30 tháng 6 năm 2021. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng, Công ty vẫn nắm giữ đa số thành viên trong Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn và qua đó, vẫn giữ quyền kiểm soát công ty này. Theo đó, Công ty tiếp tục ghi nhận khoản đầu tư vào công ty này là khoản đầu tư vào công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2021.

(**) Công ty này đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty cổ phần sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm nay và kết thúc ngày 30 tháng 6 của năm tiếp theo.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài và tiền thuê trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các quyền sử dụng đất này được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản và được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính như sau:

- ▶ Đối với các tài sản liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất mía đường, Công ty và các công ty con trích lập chi phí khấu hao theo phương pháp đường thẳng cho tất cả các tháng trong năm tài chính, ghi nhận vào Chi phí trả trước ngắn hạn và phân bổ đều vào chi phí sản xuất kinh doanh của các tháng mà nhà máy đường hoạt động, thông thường từ tháng 1 đến tháng 3 và tháng 11, tháng 12 của năm tài chính;
- ▶ Đối với các tài sản phục vụ cho hoạt động quản lý chung và các hoạt động kinh doanh khác, Công ty và các công ty con trích lập và ghi nhận chi phí khấu hao/hao mòn đều cho các tháng trong năm tài chính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản được Công ty và các công ty con áp dụng như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
Quyền sử dụng đất có thời hạn	20 - 50 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây xanh lâu năm	8 - 23 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và các công ty con. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất với thời hạn từ 30 đến 35 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại (tiếp theo)

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông của Công ty và của các công ty con phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và các công ty con.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.15 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Nghị định 95/2014/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2014 và Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC do Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2016. Số tiền trích quỹ hàng năm được Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Công ty sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

3.16 Nguồn kinh phí sự nghiệp

Nguồn kinh phí sự nghiệp là các khoản kinh phí được cấp bởi Ngân sách Nhà nước và được phê duyệt bởi các cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện các dự án, chương trình mục tiêu không vì mục đích lợi nhuận.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty và các công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.20 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	518.446.165	529.737.072
Tiền gửi ngân hàng	19.167.646.963	23.434.401.636
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (*)	14.269.796.409	8.700.000.000
TỔNG CỘNG	<u>33.955.889.537</u>	<u>32.664.138.708</u>

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, các khoản tiền gửi này có kỳ hạn từ 1-2 tháng và hưởng lãi suất từ 2,9%/năm - 3,9%/năm (tại ngày 30 tháng 6 năm 2020: 3,9%/năm - 4,7%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu từ khách hàng	160.036.818.285	101.337.624.469
<i>Công ty TNHH Nước giải khát Suntory</i>		
<i>Pepsico Việt Nam</i>	37.314.112.500	48.550.973.625
<i>Chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát</i>		
<i>Coca-Cola Việt Nam tại Hà Nội</i>	17.612.272.125	-
<i>Công ty Cổ phần Thực phẩm dinh dưỡng</i>		
<i>NUTIFOOD Bình Dương</i>	11.605.295.100	-
<i>Công ty TNHH URC Hà Nội</i>	10.933.537.650	-
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	82.571.600.910	52.786.650.844
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	2.921.603.000	2.921.603.000
TỔNG CỘNG	162.958.421.285	104.259.227.469
Dự phòng	(14.548.642.494)	(11.325.506.749)

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trả trước cho người bán	152.407.825.965	211.337.953.426
<i>Trả trước tiền mua nguyên vật liệu cho hợp</i>		
<i>tác xã và hộ nông dân</i>	107.348.967.847	145.717.544.697
<i>Công ty TNHH Guangxi Laibin Pinguan</i>		
<i>Trade Group</i>	25.914.185.088	9.972.882.075
<i>SIG Combibloc Limited</i>	-	23.528.570.277
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	19.144.673.030	32.118.956.377
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	2.438.704.447	882.000.000
TỔNG CỘNG	154.846.530.412	212.219.953.426
Dự phòng	(6.898.315.628)	(1.146.042.620)

5.3 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	21.290.206.023	25.921.434.355
Dự phòng trích lập trong năm	9.144.533.753	3.468.054.106
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	(8.099.282.438)
Số cuối năm	30.434.739.776	21.290.206.023
<i>Trong đó:</i>		
<i>Dự phòng phải thu khách hàng ngắn hạn</i> <i>(Thuyết minh số 5.1)</i>	14.548.642.494	11.325.506.749
<i>Dự phòng trả trước người bán ngắn hạn</i> <i>(Thuyết minh số 5.2)</i>	6.898.315.628	1.146.042.620
<i>Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn</i> <i>khác (Thuyết minh số 6)</i>	8.987.781.654	8.818.656.654

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	17.555.701.745	(169.125.000)	27.250.640.570	-
Các khoản cho vay không lãi suất	8.504.060.306	(8.504.060.306)	8.504.060.306	(8.504.060.306)
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.936.138.636	-	57.075.880	-
Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần	4.137.000.000	-	7.960.000.000	-
Phải thu lãi dự thu	1.805.475.562	-	1.660.500.000	-
Phải thu khác	13.693.863.904	(314.596.348)	5.753.614.196	(314.596.348)
TỔNG CỘNG	52.632.240.153	(8.987.781.654)	51.185.890.952	(8.818.656.654)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu khác</i>	35.432.854.682		27.160.056.963	
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan</i>				
<i>(Thuyết minh số 30)</i>	17.199.385.471		24.025.833.989	

7. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Thành phẩm	353.301.429.696	(3.753.117.514)	124.480.640.973	(2.716.046.638)
Nguyên liệu, vật liệu	54.511.688.417	(1.600.890.768)	36.302.254.807	(563.572.504)
Hàng hóa	78.835.993.043	-	46.960.707.411	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.528.944.393	-	42.870.308.888	-
Công cụ, dụng cụ	1.736.564.105	-	1.409.889.345	-
Hàng mua đang đi đường	571.401.815	-	308.108.899	-
Hàng gửi bán	8.671.560	-	-	-
TỔNG CỘNG	503.494.693.029	(5.354.008.282)	252.331.910.323	(3.279.619.142)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	3.279.619.142	3.256.313.753
Dự phòng trích lập trong năm	2.074.389.140	2.716.046.638
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(477.352.881)
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	(2.215.388.368)
Số cuối năm	<u>5.354.008.282</u>	<u>3.279.619.142</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:						
Số đầu năm	728.984.390.310	2.037.614.532.948	74.325.329.257	21.959.978.758	12.632.938.720	2.875.517.169.993
- Mua trong năm	2.651.710.675	29.077.107.593	388.000.000	169.261.454	-	32.286.079.722
- Đầu tư XDCB hoàn thành	72.490.846.559	128.984.087.610	2.119.955.368	43.927.841	762.222.046	204.401.039.424
- Thanh lý, nhượng bán (*)	(54.907.383.560)	(89.967.441.264)	(10.861.613.881)	(178.884.064)	-	(155.915.322.769)
- Phân loại lại	-	(770.000.000)	770.000.000	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	(1.988.410.945)	(1.988.410.945)
Số cuối năm	749.219.563.984	2.104.938.286.887	66.741.670.744	21.994.283.989	11.406.749.821	2.954.300.555.425
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>113.616.243.416</i>	<i>328.494.896.605</i>	<i>39.601.693.337</i>	<i>19.460.447.099</i>	<i>333.390.000</i>	<i>501.506.670.457</i>
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu năm	332.369.871.040	1.306.703.763.533	61.177.671.347	21.243.774.765	2.396.258.805	1.723.891.339.490
- Khấu hao trong năm	26.834.630.432	134.220.292.030	2.863.780.447	175.536.527	817.124.953	164.911.364.389
- Thanh lý, nhượng bán (*)	(50.535.148.776)	(87.728.264.934)	(10.664.199.914)	(178.884.064)	(579.953.192)	(149.686.450.880)
Số cuối năm	308.669.352.696	1.353.195.790.629	53.377.251.880	21.240.427.228	2.633.430.566	1.739.116.252.999
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	396.614.519.270	730.910.769.415	13.147.657.910	716.203.993	10.236.679.915	1.151.625.830.503
Số cuối năm	440.550.211.288	751.742.496.258	13.364.418.864	753.856.761	8.773.319.255	1.215.184.302.426

Công ty và các công ty con đã sử dụng bất động sản tại Mai Dịch, Hà Nội, một phần dây chuyền máy móc, thiết bị của Nhà máy đường số 2 và một số máy móc, thiết bị khác làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh số 17.

(*) Chủ yếu bao gồm giá trị tài sản thanh lý trong năm của Nhà máy đường số 1 và Nhà máy cồn đã dừng hoạt động từ các năm tài chính trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Quyền sử dụng đất lâu dài</i>	<i>Quyền sử dụng đất có thời hạn</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	19.037.780.000	17.884.204.980	9.303.079.718	46.225.064.698
Mua trong năm	-	-	106.210.296	106.210.296
Số cuối năm	<u>19.037.780.000</u>	<u>17.884.204.980</u>	<u>9.409.290.014</u>	<u>46.331.274.994</u>
<i>Trong đó:</i>				
Đã hao mòn hết	-	-	9.187.279.718	9.187.279.718
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	-	2.080.565.127	9.212.339.723	11.292.904.850
Hao mòn trong năm	-	360.170.366	35.551.204	395.721.570
Số cuối năm	-	<u>2.440.735.493</u>	<u>9.247.890.927</u>	<u>11.688.626.420</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>19.037.780.000</u>	<u>15.803.639.853</u>	<u>90.739.995</u>	<u>34.932.159.848</u>
Số cuối năm	<u>19.037.780.000</u>	<u>15.443.469.487</u>	<u>161.399.087</u>	<u>34.642.648.574</u>

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án Công viên Sinh thái Thanh Tam	198.474.132.444	134.396.745.525
Dự án Trung tâm Công nghệ cao Lam Sơn	30.366.333.204	30.366.333.204
Dự án nước mía cô đặc	17.294.159.691	-
Dự án khảo sát đánh giá và tư vấn giải pháp CNTT Lasuco	10.001.177.334	165.000.000
Dự án Trung tâm Chế biến nông sản công nghệ cao	8.004.864.248	40.072.118.941
Chi phí giải phóng mặt bằng dự án Nhà máy sấy và xay xát lúa gạo	9.286.963.758	-
Dự án Tràm Hương	5.262.485.568	8.542.424.462
Dự án xây dựng vườn cam công nghệ cao	3.295.070.029	4.368.044.916
Dự án Nhà máy Chế biến sữa gạo	-	31.042.259.559
Dự án Nuôi cấy mía mô	-	16.747.187.393
Các dự án khác	<u>11.602.313.930</u>	<u>13.888.569.416</u>
TỔNG CỘNG	<u>293.587.500.206</u>	<u>279.588.683.416</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty liên kết	11.1	-	15.502.412.244
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11.2	6.251.145.800	5.251.145.800
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	11.3	30.000.000.000	30.000.000.000
TỔNG CỘNG		<u>36.251.145.800</u>	<u>50.753.558.044</u>

11.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Số cổ phiếu</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Số cổ phiếu</i>
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển (i)	38,39%	2.150.000	38,39%	2.150.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân (ii)	2%	100.000	32,00%	1.600.000

(i) Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển

Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 012032000254 do Ban Quản lý Các khu Công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp vào ngày 20 tháng 9 năm 2007. Công ty này có trụ sở chính tại Lô CN-B3, Khu Công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển là sản xuất, pha chế và kinh doanh các sản phẩm rượu, đồ uống. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty nắm 38,39% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

(ii) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân

Vào ngày 24 tháng 6 năm 2021, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng 1.500.000 cổ phiếu được sở hữu tại bởi Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân cho một đối tác cá nhân với tổng giá phí chuyển nhượng là 4.500.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 72NQ/ĐLS-HĐQT. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân được chuyển thành khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác do Công ty và các công ty con chỉ còn nắm giữ 2% cổ phần tại công ty này.

Chênh lệch giữa giá phí chuyển nhượng và giá trị khoản đầu tư giảm đi là 10 tỷ VND được ghi nhận vào Chi phí tài chính trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

11.2 Đầu tư dài hạn khác

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
Tổng Công ty Mía đường I	292.885	2.974.645.800	-	2.974.645.800	292.885	2.974.645.800	-	2.974.645.800
Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà	227.650	2.276.500.000	-	2.276.500.000	227.650	2.276.500.000	-	2.276.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	100.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000		-	-	-
TỔNG CỘNG		6.251.145.800	-	6.251.145.800		5.251.145.800	-	5.251.145.800

Công ty chưa thu thập được các thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do cổ phiếu của các đơn vị này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

11.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đây là khoản đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam với kỳ hạn 10 năm và đáo hạn vào ngày 29 tháng 10 năm 2029. Lãi suất của trái phiếu này được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng 1,2%/năm và được thanh toán hàng năm. Công ty đã sử dụng khoản trái phiếu này làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 17.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	2.872.615.910	3.510.373.428
Chi phí khác	3.212.810.766	2.118.393.636
TỔNG CỘNG	6.085.426.676	5.628.767.064
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước	40.323.254.299	46.368.904.577
Chi phí phát triển giống mía	11.197.279.577	-
Công cụ, dụng cụ	3.838.144.162	2.658.674.518
Chi phí khác	2.587.689.034	299.334.071
TỔNG CỘNG	57.946.367.072	49.326.913.166

13. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

13.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả ngắn hạn cho người bán	120.748.165.953	120.748.165.953	69.614.116.698	69.614.116.698
<i>Công ty TNHH SIG Combibloc</i>	17.813.758.238	17.813.758.238	8.596.914.723	8.596.914.723
<i>Công ty TNHH Guangxi Nanning Qiaolong International Trading</i>	16.230.700.882	16.230.700.882	16.913.925.173	16.913.925.173
<i>Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Anh</i>	8.620.348.800	8.620.348.800	10.173.767.400	10.173.767.400
<i>Phải trả người bán ngắn hạn khác</i>	78.083.358.033	78.083.358.033	33.929.509.402	33.929.509.402
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 30</i>)	11.583.096.095	11.583.096.095	18.004.272.135	18.004.272.135
TỔNG CỘNG	132.331.262.048	132.331.262.048	87.618.388.833	87.618.388.833

13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	35.390.275.573	10.780.221.019
Các bên liên quan trả tiền trước (<i>Thuyết minh số 30</i>)	35.866.296.087	4.512.732.000
TỔNG CỘNG	71.256.571.660	15.292.953.019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp/bù trừ trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	8.798.599.774	113.604.670.528	(110.103.150.624)	12.300.119.678
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.847.244.369	5.425.507.678	(6.077.433.755)	5.195.318.292
Thuế xuất, nhập khẩu	-	62.752.759.770	(62.752.759.770)	-
Thuế thu nhập cá nhân	17.372.602	1.186.930.983	(1.111.688.826)	92.614.759
Thuế nhà thầu	-	4.706.548.704	(4.345.804.052)	360.744.652
Các khoản phí, lệ phí và thuế khác	163.694.260	3.383.725.849	(3.383.157.732)	164.262.377
TỔNG CỘNG	14.826.911.005	191.060.143.512	(187.773.994.759)	18.113.059.758

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phải trả liên quan đến đường thô nhập khẩu	53.458.197.321	-
Chi phí vận chuyển mía	4.630.076.881	4.351.416.465
Chi phí hoa hồng bán hàng	7.649.515.950	3.456.525.750
Chi phí lãi vay phải trả	857.528.299	1.714.010.353
Chi phí xây dựng, đầu tư tài sản	341.360.100	699.815.688
Các khoản khác	2.346.061.516	3.751.393.845
TỔNG CỘNG	69.282.740.067	13.973.162.101

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Phải trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng	7.421.055.600	1.287.673.460
Quỹ dự phòng thiên tai, rủi ro	6.290.912.633	4.836.543.825
Cổ tức phải trả	2.385.369.870	5.181.506.265
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp, kinh phí công đoàn	2.162.329.530	4.252.303.050
Phải trả tiền thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2015/2016	-	2.234.355.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.986.462.735	3.131.707.513
	24.246.130.368	20.924.089.113
Dài hạn		
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	28.700.000.000	30.000.000.000
Phải trả tiền thưởng do vượt kế hoạch về lợi nhuận các năm trước	9.954.946.150	7.720.591.150
Các khoản phải trả dài hạn khác	2.236.024.500	640.000.000
	40.890.970.650	38.360.591.150
TỔNG CỘNG	65.137.101.018	59.284.680.263
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác</i>	55.182.154.868	49.329.734.113
<i>Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	-	2.234.355.000
<i>Phải trả dài hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	9.954.946.150	7.720.591.150

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY

Đơn vị tính: VND

Thuyết minh	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn							
Vay ngân hàng	17.1	420.150.237.164	420.150.237.164	1.158.376.559.521	(1.030.579.695.405)	547.947.101.280	547.947.101.280
Vay đối tượng khác		1.000.000.000	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)	-	-
Vay bên liên quan		4.090.000.000	4.090.000.000	1.000.000.000	(5.090.000.000)	-	-
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả		1.916.625.000	1.916.625.000	-	(1.916.625.000)	-	-
		427.156.862.164	427.156.862.164	1.159.376.559.521	(1.038.586.320.405)	547.947.101.280	547.947.101.280
Vay dài hạn							
Vay đối tượng khác	17.2	3.470.000.000	3.470.000.000	1.800.000.000	(735.000.000)	4.535.000.000	4.535.000.000
Vay bên liên quan		610.000.000	610.000.000	-	(610.000.000)	-	-
		4.080.000.000	4.080.000.000	1.800.000.000	(1.345.000.000)	4.535.000.000	4.535.000.000
TỔNG CỘNG		431.236.862.164	431.236.862.164	1.161.176.559.521	(1.039.931.320.405)	552.482.101.280	552.482.101.280

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.1 Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (USD)	(VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	-	289.863.150.873	Kỳ hạn vay 9 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 29 tháng 3 năm 2022. Lãi vay được trả hàng tháng.	6%	Một số máy móc, thiết bị thuộc Nhà máy đường số 2, bất động sản tại Mai Dịch, Hà Nội và trái phiếu được phát hành bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam với tổng mệnh giá là 30 tỷ đồng.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thanh Hóa	-	99.990.151.770	Kỳ hạn vay 6 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 26 tháng 11 năm 2021. Lãi vay được trả hàng tháng.	6,2%	Một số máy móc, thiết bị thuộc Nhà máy đường số 2 và Xí nghiệp Nguyên liệu.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	2.430.000	56.264.452.650	Kỳ hạn vay 6 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 13 tháng 10 năm 2021. Lãi vay được trả hàng tháng.	3,5%	Dây chuyền thiết bị sản xuất sửa gạo lứt và hệ thống chiết rót đóng hộp và các khoản kí quỹ của Công ty tại ngân hàng với giá trị khoảng 6 tỷ đồng.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Thanh Hóa	-	48.000.000.000	Kỳ hạn vay 6 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 22 tháng 12 năm 2021. Lãi vay được trả hàng tháng.	6%	Một số hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn thuộc sở hữu của cán bộ chủ chốt Công ty.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thanh Hóa	-	25.000.000.000	Kỳ hạn vay 6 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 19 tháng 12 năm 2021. Lãi vay trả được trả hàng tháng.	7,3%	Tín chấp.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	-	20.000.000.000	Kỳ hạn vay 5 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 8 tháng 11 năm 2021. Lãi vay được trả hàng tháng.	6,6%	Bảo lãnh cá nhân của một cổ đông lớn và máy ép dịch mía sản xuất tại Trung Quốc.
Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa	-	8.829.345.987	Kỳ hạn 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Gốc hoàn trả khi đáo hạn	6,5%	Xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA số loại LAND.
TỔNG CỘNG	2.430.000	547.947.101.280			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Các khoản vay đối tượng khác

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ đối tượng khác được trình bày như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công đoàn Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	3.800.000.000	Gốc vay đáo hạn vào ngày 1 tháng 1 năm 2023. Lãi vay được thanh toán định kỳ 6 tháng một lần.	5%-7%	Tín chấp.
Ông Lê Xuân Bách	735.000.000	Gốc vay đáo hạn vào ngày 26 tháng 5 năm 2025. Lãi và gốc vay được thanh toán khi đáo hạn.	Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của Ngân hàng	Tín chấp.
TỔNG CỘNG	4.535.000.000			
<i>Trong đó:</i>				
- <i>Vay dài hạn</i>	4.535.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.264.878.796	36.834.518.283
Trích lập quỹ trong năm (<i>Thuyết minh số 21.1</i>)	2.476.081.658	2.365.447.843
Phân loại từ Phải trả dài hạn (*)	800.000.000	-
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	(3.310.812.901)
Phân loại sang Phải trả dài hạn	-	(30.000.000.000)
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(3.379.953.867)</u>	<u>(2.624.274.429)</u>
Số cuối năm	<u>3.161.006.587</u>	<u>3.264.878.796</u>

(*) Trong năm, Công ty đã thực hiện phân loại một phần Quỹ khen thưởng từ tài khoản Phải trả dài hạn khác sang tài khoản Quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 800 triệu VND căn cứ theo Kế hoạch sử dụng Quỹ khen thưởng năm tài chính 2021/2022 được Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt (căn cứ theo ủy quyền của Hội đồng Quản trị Công ty theo Quyết định số 289NQ/ĐLS-HĐQT ngày 30 tháng 6 năm 2020).

19. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	46.332.478.393	48.588.134.530
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(15.482.164.099)</u>	<u>(2.255.656.137)</u>
Số cuối năm	<u>30.850.314.294</u>	<u>46.332.478.393</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm trước								
Số đầu năm	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	592.973.408.850	60.219.882	22.609.705.023	18.531.802.227	1.481.479.856.766
- Lợi nhuận/(lỗ) trong năm	-	-	-	-	-	20.146.449.228	(1.185.881.839)	18.960.567.389
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	2.365.447.843	-	(2.365.447.843)	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.365.447.843)	-	(2.365.447.843)
- Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	-	-	-	(60.219.882)	-	(14.582.525.329)	(14.642.745.211)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(121.352.669)	-	(121.352.669)
Số cuối năm	<u>700.000.000.000</u>	<u>180.176.411.784</u>	<u>(32.871.691.000)</u>	<u>595.338.856.693</u>	<u>-</u>	<u>37.903.905.896</u>	<u>2.763.395.059</u>	<u>1.483.310.878.432</u>
Năm nay								
Số đầu năm	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	595.338.856.693	-	37.903.905.896	2.763.395.059	1.483.310.878.432
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	22.730.735.502	122.351.867	22.853.087.369
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	2.476.081.658	-	(2.476.081.658)	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	(2.476.081.658)	-	(2.476.081.658)
- Tái phát hành cổ phiếu quỹ (**)	-	1.679.261.225	7.429.644.275	-	-	-	-	9.108.905.500
- Công ty con tăng vốn (Thuyết minh số 1)	-	-	-	(5.200.835.551)	-	(2.939.398.502)	24.640.234.053	16.500.000.000
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(123.824.741)	-	(123.824.741)
Số cuối năm	<u>700.000.000.000</u>	<u>181.855.673.009</u>	<u>(25.442.046.725)</u>	<u>592.614.102.800</u>	<u>-</u>	<u>52.619.254.839</u>	<u>27.525.980.979</u>	<u>1.529.172.964.902</u>

(*) Việc trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết số 589.NQ/2020/ĐLS-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 18 tháng 11 năm 2020.

Cũng căn cứ theo Nghị quyết nêu trên, Đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng đã thông qua Phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2019/2020 với tỷ lệ 100:4,5 và giao cho Hội đồng Quản trị của Công ty thực hiện. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty chưa thực hiện nội dung này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(**) Theo Nghị quyết số 37.NQ/ĐLS -HĐQT ngày 25 tháng 1 năm 2021 và Nghị quyết số 58.NQ/ĐLS-HĐQT ngày 19 tháng 2 năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc đăng ký bán 3.005.050 cổ phiếu quỹ đang nắm giữ trong thời hạn từ ngày 10 tháng 3 năm 2021 đến ngày 8 tháng 4 năm 2021. Đến ngày 9 tháng 4 năm 2021, Công ty đã bán thành công 679.200 cổ phiếu quỹ theo Báo cáo kết quả giao dịch bán cổ phiếu quỹ số 63/ĐLS-HĐQT.

20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	700.000.000.000	700.000.000.000	-	700.000.000.000	700.000.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	181.855.673.009	181.855.673.009	-	180.176.411.784	180.176.411.784	-
Cổ phiếu quỹ	(25.442.046.725)	(25.442.046.725)	-	(32.871.691.000)	(32.871.691.000)	-
TỔNG CỘNG	856.413.626.284	856.413.626.284	-	847.304.720.784	847.304.720.784	-

20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm	700.000.000.000	700.000.000.000
Số cuối năm	700.000.000.000	700.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (năm trước: 10.000 VND).

20.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã được duyệt	70.000.000	70.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	70.000.000	70.000.000
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) (*)	(2.325.850)	(3.005.050)
Cổ phiếu đang lưu hành (*)	67.674.150	66.994.950
Cổ phiếu phổ thông	67.674.150	66.994.950
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.4 Cổ phiếu (tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết số 190.NQ/ĐLS-HĐQT ngày 17 tháng 6 năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc đăng ký bán 2.325.850 cổ phiếu quỹ còn lại với thời gian thực hiện giao dịch là từ ngày 30 tháng 7 năm 2021 đến ngày 27 tháng 8 năm 2021. Ngày 28 tháng 8 năm 2021, Công ty đã thông báo bán thành công 848.600 cổ phiếu quỹ theo Báo cáo kết quả giao dịch bán cổ phiếu quỹ số 135/ĐLS-HĐQT. Theo đó, số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty kể từ ngày 28 tháng 8 năm 2021 đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này là 68.522.750 cổ phiếu.

21. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC

21.1 Nguồn kinh phí

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.887.568.541	1.461.290.502
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	16.643.699.740	7.294.000.000
Chi trong năm	(18.579.716.922)	(3.867.721.961)
Số cuối năm	<u>2.951.551.359</u>	<u>4.887.568.541</u>

21.2 Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	22.791.118.534	25.406.024.650
Tăng trong năm	1.194.480.000	-
Sử dụng trong năm	(2.615.032.564)	(2.614.906.116)
Số cuối năm	<u>21.370.565.970</u>	<u>22.791.118.534</u>

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (VND) (*)	148.117.230.000	126.029.344.762
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vật tư, hàng hóa giữ hộ bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 30)</i>	16.020.000.000	8.278.095.238
<i>Vật tư, hàng hóa giữ hộ bên khác</i>	132.097.230.000	117.751.249.524
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	1.594.806.581	1.594.806.581
3. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	16.571	1.677
- Euro (EUR)	-	116

(*) Hàng hóa nhận giữ hộ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là giá trị của 8.556 tấn đường và 1.000 tấn mật rỉ được Công ty xuất bán cho khách hàng và đang được gửi tại kho của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	1.846.470.514.425	1.696.009.220.821
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	1.351.413.916.155	1.348.223.932.619
Doanh thu bán hàng hóa	473.125.825.224	338.078.258.192
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.930.773.046	9.707.030.010
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(689.964.338)
Hàng bán bị trả lại	-	(689.964.338)
Doanh thu thuần	<u>1.846.470.514.425</u>	<u>1.695.319.256.483</u>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	24.055.527.174	17.801.667.245
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên khác	1.822.414.987.251	1.677.517.589.238

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, trái phiếu	3.963.781.687	3.989.088.963
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty con	-	5.419.069.031
Doanh thu hoạt động tài chính khác	837.163.298	569.957.762
TỔNG CỘNG	<u>4.800.944.985</u>	<u>9.978.115.756</u>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.189.872.566.438	1.192.557.116.406
Giá vốn của hàng hóa đã bán	451.674.794.767	336.893.140.628
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	39.185.865.071	11.630.039.038
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.074.389.140	2.716.046.638
TỔNG CỘNG	<u>1.682.807.615.416</u>	<u>1.543.796.342.710</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	15.716.311.834	26.111.622.968
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	10.002.412.244	3.000.000.000
Chi phí tài chính khác	2.679.879.463	2.921.570.921
TỔNG CỘNG	<u>28.398.603.541</u>	<u>32.033.193.889</u>

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh		
Chi phí nhân công	17.837.807.536	13.173.065.147
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.225.777.481	2.490.916.871
Chi phí vận chuyển	9.746.187.237	13.005.695.512
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.419.726.435	5.965.004.008
Chi phí khác	12.983.745.070	9.511.526.634
TỔNG CỘNG	<u>51.213.243.759</u>	<u>44.146.208.172</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh		
Chi phí nhân công	26.989.613.427	26.600.728.097
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	5.483.434.784	5.713.869.858
Chi phí dự phòng	9.167.033.753	2.831.041.515
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.411.854.222	13.867.046.932
Chi phí khác	6.907.085.338	6.276.076.366
TỔNG CỘNG	<u>58.959.021.524</u>	<u>55.288.762.768</u>

27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	4.046.817.671	483.271.188
Thu thanh lý tài sản	3.639.346.306	163.637.373
Thu nhập khác	407.471.365	319.633.815
Chi phí khác	5.856.058.974	5.158.433.272
Chi phí khấu hao tài sản cố định tạm dừng sản xuất	3.040.910.124	3.930.996.038
Tiền phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	1.195.392.446	992.520.626
Chi phí khác	1.619.756.404	234.916.608
LỖ THUẦN KHÁC	<u>(1.809.241.303)</u>	<u>(4.675.162.084)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.206.582.215.657	760.204.120.548
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	160.845.623.271	135.760.294.554
Chi phí nhân công	99.691.270.510	84.925.188.791
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.759.845.756	35.035.716.046
Chi phí khác	41.905.554.966	26.623.408.568
TỔNG CỘNG	<u>1.541.784.510.160</u>	<u>1.042.548.728.507</u>

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) của Công ty và các công ty con là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế, ngoại trừ các đơn vị dưới đây:

- ▶ Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% đối với thu nhập từ hoạt động chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía tại địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 trở đi;
- ▶ Xí nghiệp Cơ giới, một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty được miễn thuế TNDN đối với hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.425.507.678	6.234.510.457
Điều chỉnh thuế trích thiếu các năm trước (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	- (194.861.180)	17.559.589 18.615.005
TỔNG CỘNG	<u>5.230.646.498</u>	<u>6.270.685.051</u>

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận thuần trước thuế	28.083.733.867	25.231.252.440
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh</i>		
Các khoản phạt	1.141.776.818	992.520.626
Chi phí của các nhà máy tạm dừng sản xuất	3.040.910.124	3.930.996.038
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	-	1.001.136.098
Dự phòng phải thu khó đòi	-	706.600.000
Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	583.515.760	2.699.761.576
Điều chỉnh cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính	297.580.624	(7.789.296.852)
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	33.147.517.193	26.772.969.926
Lỗ năm trước chuyển sang	(492.723.871)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	32.654.793.322	26.772.969.926
<i>Thu nhập chịu thuế suất 20%</i>	<i>1.416.877.437</i>	<i>3.115.920.001</i>
<i>Thu nhập chịu thuế suất 15%</i>	<i>35.080.165.559</i>	<i>37.408.843.045</i>
<i>Lỗ của các công ty con (*)</i>	<i>(3.842.249.674)</i>	<i>(13.751.793.120)</i>
Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành	5.530.899.231	6.234.510.457
Thuế TNDN phải trả đầu năm	5.847.244.369	5.435.954.265
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp năm trước	-	17.559.589
Thuế TNDN được miễn, giảm	(105.391.553)	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(6.077.433.755)	(5.840.779.942)
Thuế TNDN phải trả cuối năm <i>(Thuyết minh số 14)</i>	5.195.318.292	5.847.244.369

(*) Các công ty con không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ này do không thể dự tính được chắc chắn lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty và các công ty con đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản thuần của công ty con tại ngày mua		-	-	(14.468.026)
Ảnh hưởng của các giao dịch nội bộ được cần trừ khi hợp nhất khác	194.861.180	-	194.861.180	(72.700.740)
Dự phòng phải thu khó đòi	122.037.536	122.037.536	-	68.553.761
	316.898.716	122.037.536		
Thu nhập/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			194.861.180	(18.615.005)

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và các công ty con với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn	Bên liên quan khác	Dịch vụ vận chuyển	30.169.870.000	33.815.544.785
		Mua vật tư, nhiên liệu	850.000.000	1.125.526.156
		Bán đường, điện	34.069.176	37.154.938
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đồng	Mua đường	-	253.893.500.000
		Bán đường, mật rỉ	24.021.457.998	17.764.512.307
Hiệp hội mía đường Lam Sơn	Cổ đồng	Thu hồi khoản chi trả hộ	-	3.573.880.000
Công ty Cổ phần BrainMark	Bên liên quan khác	Chi phí nghiên cứu thị trường	8.116.847.397	-
Ông Lê Văn Tân	Tổng Giám đốc	Đi vay	1.000.000.000	6.090.000.000
		Trả nợ gốc vay	5.090.000.000	1.390.000.000
		Chi phí lãi vay	166.068.493	165.387.916

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Ngoại trừ các khoản vay và cho vay có lãi suất, số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi từ các bên liên quan với số tiền là: 12.307.663.306 VND (ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 12.307.663.306 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 5.1)				
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	Phải thu bán hàng	2.921.603.000	2.921.603.000
TỔNG CỘNG			2.921.603.000	2.921.603.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)				
Công ty Cổ phần BrainMark	Bên liên quan khác	Ứng trước tiền nghiên cứu thị trường	1.441.227.397	-
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	Tạm ứng tiền mua hàng hóa	882.000.000	882.000.000
Hiệp hội mía đường Lam Sơn	Cổ đồng	Hiệp hội mía đường Lam Sơn	115.477.050	-
TỔNG CỘNG			2.438.704.447	882.000.000
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 6)				
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	Phải thu tiền gốc vay	8.504.060.306	8.504.060.306
Các cán bộ quản lý chủ chốt	Các cán bộ quản lý chủ chốt	Tạm ứng	8.695.325.165	15.521.773.683
TỔNG CỘNG			17.199.385.471	24.025.833.989
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13.1)				
Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn	Bên liên quan khác	Phải trả tiền dịch vụ vận chuyển	11.527.839.805	16.902.272.729
Hiệp hội mía đường Lam Sơn	Cổ đồng	Phải trả phí hội	55.256.290	1.101.999.406
TỔNG CỘNG			11.583.096.095	18.004.272.135
Người mua trả tiền trước (Thuyết minh số 13.2)				
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đồng	Trả trước tiền mua đường	35.866.296.087	4.512.732.000
TỔNG CỘNG			35.866.296.087	4.512.732.000
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 16)				
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành	Bên liên quan khác	Phải trả về lợi nhuận vượt kế hoạch năm 2015/2016	-	2.234.355.000
TỔNG CỘNG			-	2.234.355.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 16)				
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành	Bên liên quan khác	Tiền thưởng do vượt kế hoạch lợi nhuận	9.954.946.150	7.720.591.150
TỔNG CỘNG			9.954.946.150	7.720.591.150
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 17)				
Ông Lê Văn Tân	Tổng Giám đốc	Vay ngắn hạn	-	4.090.000.000
TỔNG CỘNG			-	4.090.000.000
Vay dài hạn (Thuyết minh số 17)				
Ông Lê Văn Tân	Tổng Giám đốc	Vay dài hạn	-	610.000.000
TỔNG CỘNG			-	610.000.000
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (Thuyết minh số 22)				
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông	Đường thành phẩm, mặt rỉ	16.020.000.000	8.278.095.238
TỔNG CỘNG			16.020.000.000	8.278.095.238

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (“HDQT”) và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Lê Văn Tam	Chủ tịch HDQT	1.185.960.615	957.483.047
Ông Lê Văn Tân	Phó Chủ tịch HDQT, Tổng Giám đốc	776.729.846	573.155.908
Ông Lê Trung Thành	Thành viên HDQT	541.591.385	507.924.247
Ông Phùng Thanh Hải	Thành viên HDQT	120.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tân	Thành viên HDQT (từ ngày 18 tháng 11 năm 2020)	80.000.000	-
Ông Lê Du Phong	Thành viên HDQT (đến ngày 17 tháng 1 năm 2020)	-	91.000.000
Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc (đến ngày 2 tháng 10 năm 2019)	-	99.030.704
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc	478.960.615	381.017.596
Ông Lê Bá Chiếu	Phó Tổng Giám đốc	474.922.154	378.220.333
Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	477.614.462	381.017.596
Ông Phạm Ngọc Quý	Phó Tổng Giám đốc	434.883.692	234.480.161
Ông Nguyễn Xuân Lam	Phó Tổng Giám đốc	474.922.154	263.180.161
TỔNG CỘNG		5.045.584.923	3.962.509.754

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	22.730.735.502	20.146.449.228
Trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(2.476.081.658)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	22.730.735.502	17.670.367.570
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	67.147.538	66.994.950
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	67.147.538	66.994.950
Lãi trên cổ phiếu		
- <i>Lãi cơ bản</i>	339	264
- <i>Lãi suy giảm</i>	339	264

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính trước đã được điều chỉnh giảm so với lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu đã được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm trước theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 18 tháng 11 năm 2020.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 chưa được điều chỉnh giảm do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

(**) Như được trình bày tại Thuyết minh số 20.1, trong năm, Công ty đã thực hiện bán 679.200 cổ phiếu quỹ trong giai đoạn từ ngày 10 tháng 3 năm 2021 đến ngày 8 tháng 4 năm 2021. Công ty đã điều chỉnh bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm hiện tại để tính Lãi trên cổ phiếu do ảnh hưởng của giao dịch nêu trên.

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp. Doanh thu các sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp chiếm tỷ trọng 100% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty và các công ty con không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các cam kết liên quan đến khoản đầu tư dài hạn

Thực hiện Nghị quyết số 99 NQ/ĐLS – HĐQT ngày 5 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty, Công ty đã thành lập Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Lam Sơn với tổng vốn điều lệ được đăng ký là 26 tỷ VND do Công ty sở hữu 100% vốn để thực hiện các hoạt động kinh doanh, xuất nhập khẩu đường, các sản phẩm sau đường và các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao. Trong những năm tài chính trước, Công ty đã thực hiện góp vốn vào công ty con này với tổng số tiền là 9.862.396.042 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty đang trong quá trình hoàn thành các thủ tục để góp bổ sung phần vốn điều lệ còn thiếu tại công ty con này.

Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có cam kết khoảng 18,4 tỷ VND từ các hợp đồng mua máy móc thiết bị, vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Nghị quyết số 190.NQ/ĐLS-HĐQT ngày 17 tháng 6 năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc đăng ký bán 2.325.850 cổ phiếu quỹ còn lại với thời gian thực hiện giao dịch là từ ngày 30 tháng 7 năm 2021 đến ngày 27 tháng 8 năm 2021. Đến ngày 28 tháng 8 năm 2021, Công ty đã bán thành công 848.600 cổ phiếu quỹ theo Báo cáo kết quả giao dịch bán cổ phiếu quỹ số 135/ĐLS-HĐQT.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con.



Người lập
Nguyễn Thị Tú



Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Hà



Tổng Giám đốc
Lê Văn Tân

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2021



LAM SON SUGAR CANE JOINT STOCK CORPORATION

Add: Block 6 – Lam Son Town – Tho Xuan District – Thanh Hoa

Phone: +(84) 237 899 6667 | Fax: +(84) 237 834 092

Email: info@lasuco.com.vn | Website: www.lasuco.vn

Lasuco branch in Ha Noi:

IMPORT AND EXPORT TRADE CENTRE

Add: 6/53 Nguyen Khoai – Bach Dang Ward – Hai Ba Trung Districts – Ha Noi

Phone: +(84) 243 983 4725 | Fax: +(84) 243 862 1106

Lasuco Branch in Thanh Hoa:

GIZEF – LASUCO OFFICE (VIETNAM)

Add: 145 Duong Dinh Nghe – Thanh Hoa City – Viet Nam

Phone: +(84) 237 372 0338 | Fax: +(84) 237 372 0338

Email: Gizef.lasuco@gmail.com

Lasuco Branch in Germany:

GIZEF – LASUCO OFFICE (GERMANY)

Add: Grunder – und innovationszentrum Freiberg Brand – Erbsisdorf GmbH (GIZEF)

Phone: Am St. Nicolaß-Schacht 13 S-090599 Freiberg BRD

Tel & Fax: +(84) 49 3731 7810